|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:** ..................................................................**TỔ:** .............................................................................. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC CÔNG NGHỆ, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ..................**; Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**...................; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:...........; Trên đại học:.............

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:.............; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| ***I. Tranh ảnh*** |
| 1 | Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở | 03 | Bài 1. Nhà ở đối với con người |  |
| 2 | Kiến trúc nhà ở Việt Nam | 03 |  |
| 3 | Xây dựng nhà ở | 03 |  |
| 4 | Ngôi nhà thông minh | 03 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 5 | Thực phẩm trong gia đình | 03 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng |  |
| 6 | Phương pháp bảo quản thực phẩm | 03 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 7 | Phương pháp chế biến thực phẩm | 03 |  |
| 8 | Trang phục và đời sống | 03 | Bài 7. Trang phục  |  |
| 9 | Lựa chọn và sử dụng trang phục | 03 |  |
| 10 | Thời trang trong cuộc sống | 03 | Bài 8. Thời trang |  |
| 11 | Bàn Là | 03 | Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình |  |
| 12 | Đèn LED | 03 |  |
| 13 | Máy xay thực phẩm | 03 |  |
| ***II. Video*** |
| 1 | Giới thiệu về bản chất, đặc điểm, một số hệ thống kĩ thuật công nghệ và tương lai của ngôi nhà thông minh. | 01 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh |  |
| 2 | Giới thiệu vệ sinh an toàn thực phẩm, những vấn đề cần quan tâm để đảm bảo an toàn thực phẩm trong gia đình | 01 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 3 | Giới thiệu về trang phục, vai trò của trang phục, các loại trang phục, lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục; thời trang trong cuộc sống. | 01 | Bài 7. Trang phục Bài 8. Thời trang |  |
| 4 | Giới thiệu về an toàn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình, cách sơ cứu khi người bị điện giật. | 01 | Bài 10. An toàn điện trong gia đình |  |
| 5 | Giới thiệu về năng lượng, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. | 01 | Dự án 4. Tiết kiệm điện trong sử dụng điện |  |
| ***III. Thiết bị thực hành*** |
| 1 | Bộ dụng cụ sử dụng trong chế biến món ăn không sử dụng nhiệt. | 03 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm |  |
| 2 | Bộ dụng cụ tỉa hoa, trang trí món ăn không sử dụng nhiệt. | 03 |  |
| 3 | Hộp mẫu các loại vải | 03 | Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc  |  |
| ***IV. Thiết bị và dụng cụ khác*** |
| 1 | Máy chiếu | 1 | Tất cả các bài |  |
| 2 | Máy tính | 1 | Tất cả các bài |  |
| 3 | Giấy A4 | 4 Gam | Tất cả các bài |  |
| 4 | Bút | 4 hộp | Tất cả các bài. |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng học bộ môn Công nghệ | 01 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩmDự án 1. Ngôi nhà của emDự án 2. Món ăn cho bữa cơm gia đìnhDự án 3. Em làm nhà thiết kế thời trangDự án 4. Tiết kiệm điện trong gia đình |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

Phân phối chương trình

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết theo PPCT** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| **HỌC KÌ I** |
| 1 | 1 | Bài 1. Nhà ở đối với con người. Mục 1,2,3 | 2 | ***1. Kiến thức***- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở;- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng ở Việt Nam;***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở. Nhận biết được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam. ***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nhà ở đối với con người, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 2 | 2 | Bài 1. Nhà ở đối với con người. Mục 4,5 | ***1. Kiến thức***- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà;- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số vật liệu xây dựng nhà. Nhận biết được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nhà ở đối với con người, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 3 | 3 | Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình. Mục 1 | 2 | **1. Kiến thức**- Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà;**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan sử dụng năng lượng trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 4 | 4 | Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình. Mục 2 | **1. Kiến thức**- Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm vàhiêu quả**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, có hiệu quả***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan sử dụng năng lượng trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 5 | 5 | Bài 3. Ngôi nhà thông minh. Mục I | 2 | **1. Kiến thức**- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà thông minh, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 6 | 6 |  Bài 3. Ngôi nhà thông minh. Mục II |  | **1. Kiến thức**- Mô tả được đặc điểm của ngôi nhà thông minh.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được được những đặc điểm cơ bản của ngôi nhà thông minh.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được các thiết bị trong ngôi nhà thông minh.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến ngôi nhà thông minh, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 7 | 7 | Dự án 1. Ngôi nhà của em | 1 | **1. Kiến thức**- Xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp được một mô hình nhà ở từ các vật liệu có sẵn.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình thiết kế và lắp ráp được một mô hình nhà ở từ các vật liệu có sẵn.- Thiết kế kỹ thuật: Xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp được một mô hình nhà ở từ các vật liệu có sẵn.- Đánh giá công nghệ: Đánh giá mô hình ngôi nhà phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến dự án ngôi nhà của em, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 8 | 8 | Ôn tập chương 1 | 1 | ***1. Kiến thức***- Hệ thống hóa kiến thức về nhà ở***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ***- Nhận thức công nghệ: Nhận biết nhà ở đối với con người. Nhận biết sử dụng năng lượng trong ngôi nhà. Nhận biết ngôi nhà thông minh.- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được vật liệu phù hợp trong xây dựng gia đình.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến nhà ở, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tham gia tích cực các hoạt động. |
| 9 | 9 | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | **1. Kiến thức, kỹ năng**- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở;- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng ở Việt Nam;- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà;- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà- Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà; - Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm vàhiêu quả- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh.- Mô tả được đặc điểm của ngôi nhà thông minh***2. Năng lực, phẩm chất***- Vận dụng kiến thức để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình.- Vận dụng kiến thức để sử dụng được các thiết bị của ngôi nhà thông minh.- Vận dụng kiến thức xác định được các kiểu nhà đặc trưng, phân chia các khu vực sinh hoạt trong nhà ở.- Lựa chọn và sử dụng vật liệu xây dựng phù hợp điều kiện gia đình em- Rèn luyện tinh thần trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra |
| 10 | 10 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng. Mục 1,2 | 3 | **1. Kiến thức**- Vì sao hằng ngày chúng ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau?- Kể được tên một số nhóm thực phẩm chính;- Nêu được giá trị dinh dưỡng của một số nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người;**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 11 | 11 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng. Mục 3 | **1. Kiến thức**- Nêu được thế nào là bữa ăn hợp lý.**-** Nêu được sự phân chia bữa ăn hợp lý trong ngày.- Nhận biết và hình thành thói quen ăn uống khoa học;**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 12 | 12 | Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng. Mục 4 | **1. Kiến thức***-* Tính toán được chi phí sơ bộ cho một bữa ăn gia đình**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình tính toán được chi phí sơ bộ cho một bữa ăn gia đình.- Sử dụng công nghệ: Tính toán được chi phí sơ bộ cho một bữa ăn gia đình- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 13 | 13 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm. Mục 1 | 3 | **1. Kiến thức**- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm;- Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Sử dụng công nghệ: Sử dụng biện pháp để bảo quản thực phẩm.- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. ***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 14 | 14 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm. Mục 2 | **1. Kiến thức**- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm;- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến- Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến. - Sử dụng công nghệ: Chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp sử dụng nhiệt - Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. ***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 15 | 15 | Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm. Thực hành vận dụng. Bảo quản và chế biến món ăn. Trộn dầu giấm rau xà lách | ***1. Kiến thức***- Trình bày được quy trình thực hiện chế biến trộn dầu giấm rau xà lách- Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành.- Thực hiện làm được món trộn dầu giấm rau xà lách quả theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm.***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ***- Nhận thức công nghệ: Nhận biết quy trình thực hiện chế biến trộn dầu giấm rau xà lách.- Sử dụng công nghệ: Tự chuẩn bị được dụng cụ và nguyên liệu thực hành. Thực hiện làm được món trộn dầu giấm rau xà lách theo đúng quy trình và đảm bảo an toàn thực phẩm***-*** Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét món ăn đạt yêu cầu kỹ thuật.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận về trộn dầu giấm rau xà lách, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động |
| 16 | 16 |  Dự án 2: Món ăn cho bữa cơm gia đình | 1 | **1. Kiến thức**- Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình và chế biến được một món ăn theo phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình xây dựng bữa ăn hợp lý cho gia đình. Nhận biết được phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt.- Sử dụng công nghệ: Chế biến được món ăn không sử dụng nhiệt- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. Đưa ra nhận xét món ăn sau khi chế biến.**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến dự án món ăn cho bữa cơm gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 17 | 17 | Ôn tập chương 2 | 1 | ***1. Kiến thức***- Hệ thống hóa kiến thức về bảo quản và chế biến thực phẩm***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ***- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được thực phẩm và dinh dưỡng. Nhận biết đựơc bảo quản và chế biến thực phẩm. - Đánh giá công nghệ: Đánh giá việc lựa chọn thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng khi xây dựng thực đơn. Đánh giá được yêu cầu của món ăn khi chế biến.- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được phương pháp bảo quản và chế biến thự phẩm phù hợp. Xây dựng được bữa ăn hợp lý trong gia đình, chế biến được món ăn có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt tại gia đình.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tham gia tích cực vào vào các hoạt động. |
| 18 | 18 | Kiểm tra Học kì 1 | 1 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Kể được tên một số nhóm thực phẩm chính;- Nêu được giá trị dinh dưỡng của một số nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người;- Nhận biết và hình thành thói quen ăn uống khoa học;- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm;- Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến;**2. Năng lực, phẩm chất**- Vận dụng kiến thức lựa chọn thực phẩm phù hợp với gia đình- Thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm- Tính toán được chi phí sơ bộ cho một bữa ăn gia đình- Vận dụng kiến thức để thực hiện phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm tại gia đình- Chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt; - *Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh* |
| **HỌC KÌ II** |
| 19 | 19 | Bài 6. Các loại vải thường dùng trong may mặc | 2 | **1. Kiến thức**- Kể được tên một số loại vải thông dụng trong may mặc.- Nhận biết được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. Nhận biết được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn loại vải phù hợp để may mặc. Phân biệt được một số loại vải thường dùng.***2.2. Năng lực chung*** - Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến các loại vải thường dùng trong may mặc, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 20 | 20 | Bài7. Trang phục. Mục 1, 2, 3 | 2 | **1. Kiến thức**- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống.- Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân và tính chất công việc.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống. Nhận biết được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân và tính chất công việc. - Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân và tính chất công việc.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 21 | 21 | Bài7. Trang phục. Mục 4, 5 | **1. Kiến thức**- Sử dụng và bảo quản được trang phục.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quá trình sử dụng và bảo quản trang phục.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng và bảo quản được trang phục.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 22 | 22 | Bài 8. Thời trang. | 1 | **1. Kiến thức**- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang; - Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bàn thân;- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bàn thân- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình**-** Đánh giá công nghệ: Đánh giá được xu hướng, phong cách thời trang.**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 23, 24 | 23, 24 | Dự án 3. Em làm nhà thiết kế thời trang | 2 | **1. Kiến thức**- Xây dựng được ý tưởng thiết kế bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở (gồm đồng phục cho nam và cho nữ)**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình thiết kế bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở (gồm đồng phục cho nam và cho nữ)- Thiết kế kỹ thuật: Xây dựng được ý tưởng thiết kế bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở (gồm đồng phục cho nam và cho nữ) và thiết kế được 1 bộ đồng phục dành cho nam và một bộ đồng phục dành cho nữ.- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được bộ đồng phục phù hợp với bản thân và bạn bè.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến em làm nhà thiết kế thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 25 | 25 | Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. Mục 1.1, mục 1.2 | 5 | **1. Kiến thức**- Nêu được công dụng của bàn là, đèn LED trong gia đình;- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bàn là, đèn LED- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của bàn là, đèn LED- Sử dụng được bàn là, đèn LED trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;*-* Lựa chọn được bàn là tiết kiệm điện năng**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được công dụng của bàn là, đèn LED; nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của bàn là, đèn LED.- Giao tiếp công nghệ: Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của bàn là, đèn LED- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được bàn là, đèn LED trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được bàn là, đèn LED tiết kiệm điện năng**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 26 | 26 | Ôn tập chương 3 | 1 | ***1. Kiến thức***- Hệ thống hóa kiến thức về trang phục và thời trang***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ***- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các loại vải thường dùng trong may mặc. Nhận biết được trang phục. Nhận biết được thời trang.- Đánh giá công nghệ: Đánh giá việc lựa chọn trang phục phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi và công việc.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng và bảo quản trang phục phù hợp. Xây dựng phong cách thời trang phù hợp với bản thân và các thành viên trong gia đình.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục và thời trang trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tham gia tích cực các hoạt động. |
| 27 | 27 | Kiểm tra giữa học kì 2 | 1 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Kể được tên một số loại vải thông dụng trong may mặc.- Nhận biết được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống.- Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân và tính chất công việc.- Sử dụng và bảo quản được trang phục.-Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang**2. Năng lực, phẩm chất**- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.- Phân biệt các loại vải, lựa chọn loại vải phù hợp với bản thân và các thành viên trong gia đình- Sử dụng được biện pháp sử dụng và bảo quản trang phục phù hợp.- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bàn thân;- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra |
| 28 | 28 | Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. Mục 1.3 | 5 | **1. Kiến thức**- Nêu được công dụng của máy xay thực phẩm trong gia đình;- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của máy xay thực phẩm- Sử dụng được máy xay thực phẩm trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;*-* Lựa chọn được máy xay thực phẩm tiết kiệm điện năng**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được công dụng của máy xay thực phẩm; nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm- Giao tiếp công nghệ: Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của máy xay thực phẩm - Sử dụng công nghệ: Sử dụng được máy xay thực phẩm trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được máy xay thực phẩm tiết kiệm điện năng**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng máy xay thực phẩm trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 29 | 29 | Bài 9. Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. Mục 2 |  | **1. Kiến thức***-* Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện năng- Tính toán điện năng tiêu thụ và tính giá thành tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết các biện pháp lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện. Nhận biết quy trình tính toán điện năng tiêu thụ và tính giá thành tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện- Sử dụng công nghệ: Tính toán điện năng tiêu thụ và tính giá thành tiêu thụ điện năng của đồ dùng điện- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện năng**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 30 | 30 | Bài 10. An toàn điện trong gia đình(T1) | 3 | **1. Kiến thức**- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được nguyên nhân gây tai nạn điện. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến am toàn điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 31 | 31 | Bài 10. An toàn điện trong gia đình(T2) | **1. Kiến thức**- Trình bày được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện;**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.- Sử dụng công nghệ: Thực hiện những biện pháp an toàn khi sử dụng điện.**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến am toàn điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 32 | 32 | Bài 10. An toàn điện trong gia đình(T3) | **1. Kiến thức**- Nhận biết được những trường hợp mất an toàn điện.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được những trường hợp mất an toàn điện.- Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được ý nghĩa của thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.- Sử dụng công nghệ: Thực hiện những biện pháp an toàn khi sử dụng điện.**2.2. Năng lực chung**- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến am toàn điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 33 | 33 | Dự án 4. Tiết kiệm điện trong sử dụng điện | 1 | **1. Kiến thức**- Đề xuất được các đồ dùng điện thế hệ mới có cùng chức năng nhưng tiêu thụ điện ít hơn để thay thế cho đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng.- Nâng cao ý thức sử dụng điện hợp lí, tiết kiệm và bảo vệ môi trường.**2. Năng lực*****2.1. Năng lực công nghệ*** - Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các đồ dùng điện thế hệ mới có cùng chức năng nhưng tiêu thụ điện ít hơn để thay thế cho đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng*.* Nhận biết được các biện pháp sử dụng điện năng an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.- Sử dụng công nghệ: Tính toán được điện năng tiêu thụ, chi phí sử dụng điện trong một tháng của các đồ dùng điện trong gia đình nhà em. Tính toán được điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện có chức năng giống hoặc gần giống với đồ dùng điện gia đình em đã liệt kê nhưng có công suất định mức nhỏ hơn. So sánh với tổng chi phí điện mà gia đình phải trả thông qua hóa đơn tiền điện. - Giao tiếp công nghệ: Đọc và hiểu được các kí hiệu an toàn điện trên các thiết bị điện.- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện, an toàn, hiệu quả.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến tiết kiệm trong sử dụng điện, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động. |
| 34 | 34 | Ôn tập chương 4. | 1 | ***1. Kiến thức***- Hệ thống hóa kiến thức về đồ dùng điện trong gia đình.***2. Năng lực******2.1. Năng lực công nghệ***- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình. Nhận biết được nguyên lý làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.- Đánh giá công nghệ: Lựa chọn được đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.***2.2. Năng lực chung***- Năng lực tự chủ, tự học. - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến đồ dùng điện trong gia đình, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra***3. Phẩm chất***- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.- Trách nhiệm: Tham gia tích cực các hoạt động. |
| 35 | 35 | Kiểm tra học kì 2 | 1 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình;- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện;- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.- Trình bày được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện;- Nhận biết được những trường hợp mất an toàn điện**2. Năng lực, phẩm chất**- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của một số đồ dùng điện;- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;- Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện năng- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | **1. Kiến thức, kỹ năng**- Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở;- Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng ở Việt Nam;- Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà;- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà- Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà; - Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm vàhiêu quả- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh.- Mô tả được đặc điểm của ngôi nhà thông minh***2. Năng lực, phẩm chất***- Vận dụng kiến thức để sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình.- Vận dụng kiến thức để sử dụng được các thiết bị của ngôi nhà thông minh.- Vận dụng kiến thức xác định được các kiểu nhà đặc trưng, phân chia các khu vực sinh hoạt trong nhà ở.- Lựa chọn và sử dụng vật liệu xây dựng phù hợp điều kiện gia đình em- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Kể được tên một số nhóm thực phẩm chính;- Nêu được giá trị dinh dưỡng của một số nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người;- Nhận biết và hình thành thói quen ăn uống khoa học;- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm;- Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến;**2. Năng lực, phẩm chất**- Vận dụng kiến thức lựa chọn thực phẩm phù hợp với gia đình- Thực hiện các biện pháp an toàn thực phẩm- Tính toán được chi phí sơ bộ cho một bữa ăn gia đình- Vận dụng kiến thức để thực hiện phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm tại gia đình- Chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt; - Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra | Kiểm tra viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Kể được tên một số loại vải thông dụng trong may mặc.- Nhận biết được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong đời sống.- Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân và tính chất công việc.- Sử dụng và bảo quản được trang phục.-Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang**2. Năng lực, phẩm chất**- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.- Phân biệt các loại vải, lựa chọn loại vải phù hợp với bản thân và các thành viên trong gia đình- Sử dụng được biện pháp sử dụng và bảo quản trang phục phù hợp.- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bàn thân;- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra | Kiểm tra viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | ***1. Kiến thức, kỹ năng***- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình;- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện;- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.- Trình bày được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện;- Nhận biết được những trường hợp mất an toàn điện**2. Năng lực, phẩm chất**- Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí hoạt động của một số đồ dùng điện;- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện;- Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm điện năng- Rèn tính trách nhiệm, trung thực khi làm bài kiểm tra | Kiểm tra viêt |

 *(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)